

CỤC THADS TỈNH ĐỒNG NAI
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 608 /TB-THADS

Long Thành, ngày 27 tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO
Về kết quả giảm giá tài sản (lần 4)

Căn cứ Điều 98, Điều 99 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Bản án số 300/2023/HS-PT ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án số 607/2022/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 01/QĐ-CTHADS ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 03/QĐ-CTHADS và số 04/QĐ-CTHADS ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 05/QĐ-CTHADS ngày 15/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 106/QĐ-CTHADS ngày 15/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 107/QĐ-CTHADS ngày 17/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 108/QĐ-CTHADS ngày 21/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 109/QĐ-CTHADS ngày 23/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 110/QĐ-CTHADS ngày 28/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 111/QĐ-CTHADS ngày 30/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 112/QĐ-CTHADS ngày 31/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 113/QĐ-CTHADS ngày 08/9/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 114/QĐ-CTHADS ngày 18/9/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 115/QĐ-CTHADS ngày 25/9/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 116/QĐ-CTHADS ngày 02/10/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 117/QĐ-CTHADS ngày 09/10/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 118/QĐ-CTHADS ngày 16/10/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 119/QĐ-CTHADS ngày 23/10/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 120/QĐ-CTHADS ngày 30/10/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 122/QĐ-CTHADS ngày 08/11/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 123/QĐ-CTHADS ngày 15/11/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 124/QĐ-CTHADS ngày 22/11/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 125/QĐ-CTHADS ngày 29/11/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 126/QĐ-CTHADS ngày 08/12/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 127/QĐ-CTHADS ngày 15/12/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 128/QĐ-CTHADS ngày 22/12/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 129/QĐ-CTHADS ngày 02/01/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 130/QĐ-CTHADS ngày 09/01/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 131/QĐ-CTHADS ngày 15/01/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 132/QĐ-CTHADS ngày 22/01/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 133/QĐ-CTHADS ngày 29/01/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 134/QĐ-CTHADS ngày 05/02/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 6432/CV-CTHADS-NV2 ngày 01 tháng 04 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 135/QĐ-CTHADS ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 136/QĐ-CTHADS ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định ủy thác xử lý tài sản số 04/QĐ-CTHADS ngày 05 tháng 01 năm 2024 và quyết định số 09/QĐ-CTHADS ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định xử lý tài sản số 03/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 4 năm 2024 và quyết định số 04/QĐ-CCTHADS ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành;

Căn cứ lệnh kê biên số 289-08A ngày 28/02/2020 và biên bản kê biên ngày 27/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ lệnh kê biên số 1263-08C ngày 11/03/2020 và biên bản kê biên ngày 23/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ lệnh kê biên số 295-08C ngày 28/02/2020 và biên bản kê biên ngày 23/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định cưỡng chế thi hành án số 36/QĐ-CCTHADS ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Biên bản kê biên ngày 02/7/2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành;

Căn cứ công văn số 13706/CSKT-Đ2 ngày 21/6/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 506/TATP-THS ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 1578/CTHADS – NV2 ngày 25/7/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa chữa đính chính thông tin liên quan đến tài sản;

Căn cứ Thông báo số 574 /TB-THADS ngày 17 tháng 06 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai về việc không có khách hàng đăng ký tham gia đấu giá tài sản lần 3,

Căn cứ quyết định giảm giá lần 4 số: 22 /QĐ-CCTHADS ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ,

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thông báo cho:

Người được thi hành án:

(Theo danh sách người được thi hành án Phụ lục số 01 ngày 14/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai).

Người phải thi hành án:

Ông Nguyễn Thái Luyện; Nơi đăng ký thường trú: 66 Đào Duy Từ, ấp Tiên Sơn, xã Tân Sơn, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: 120-122 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà Võ Thị Thanh Mai; Nơi đăng ký thường trú: phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở: B8-21 Chung cư Saigonres, 188 Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có):

Tài sản giảm giá gồm:

***Lô thứ nhất:**

1. Quyền sử dụng đất diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 5911 m² (diện tích thửa đất theo bản vẽ hiện trạng thực tế là 5.806,1m², thiếu hụt 104,9 m² lý do điều chỉnh bản đồ địa chính); mục đích sử dụng; thuộc thửa số 106 (thửa mới 448a); tờ bản đồ số 26 tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 397164 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/06/2009 cho ông Nhan Hòa Châu và bà Nguyễn Thị Liệt đứng tên.

Tình trạng đất tại thời điểm kê biên: Đất trống

2. Quyền sử dụng đất diện tích 12595 m² (diện tích thửa đất theo bản vẽ hiện trạng thực tế là 12.387,9 m², thiếu hụt 107,1 m² lý do điều chỉnh bản đồ địa chính); mục đích sử dụng; thuộc thửa số 105 (thửa mới 448b); tờ bản đồ số 26 tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 397163 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/06/2009 cho bà Nhan Mỹ Mai và ông Đặng Văn Mỹ đứng tên.

Tình trạng đất tại thời điểm kê biên: Đất trống

3. Quyền sử dụng đất diện tích 3732 m² (diện tích thửa đất theo bản vẽ hiện trạng thực tế là 3.675,2 m², thiếu hụt 56,8 m² lý do điều chỉnh bản đồ địa chính); mục đích sử



dụng; thuộc thửa số 93 (thửa mới 448c); tờ bản đồ số 26 tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 397162 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/06/2009 cho bà Nhan Mỹ Mai và ông Đặng Văn Mỹ đứng tên.

Tình trạng đất tại thời điểm kê biên: Đất trống

4. Quyền sử dụng đất diện tích 8802 m² (diện tích thửa đất theo bản vẽ hiện trạng thực tế là 8.555,9 m², thiếu hụt 346,1 m² lý do điều chỉnh bản đồ địa chính); mục đích sử dụng; thuộc thửa số 107 (thửa mới 448d); tờ bản đồ số 26 tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 397169 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/06/2009 cho ông Nhan Tỷ và bà Trần Thị Yến đứng tên.

Tình trạng đất tại thời điểm kê biên: Đất trống

5. Quyền sử dụng đất diện tích 8786 m² (sử dụng riêng); mục đích sử dụng; thuộc thửa số 108 (thửa mới 448e); tờ bản đồ số 26 tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 397170 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/06/2009 cho ông Nhan Tỷ và bà Trần Thị Yến đứng tên.

Tình trạng đất tại thời điểm kê biên: Đất trống

(Tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên theo diện tích thực tế được thể hiện tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số 5540/2024, 5539/2024, 5538/2024; 5537/2024, 5536/2024 ngày 30/9/2024 do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Long Thành thực hiện bởi các thửa 448a, 448b, 448c, 448d, 448e (thửa mới 448).

Tổng tài sản (1+2+3+4+5) có giá khởi điểm sau khi giảm giá lần 4 có giá khởi điểm là: 126.497.082.937 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu tỷ bốn trăm chín mươi bảy triệu không trăm tám mươi hai ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng)

***Lô thứ hai:**

-Quyền sử dụng đất diện tích 1.372,3 m² ; thuộc thửa số 47; tờ bản đồ số 55 tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai do bà Trương Thị Nhi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CE 216793 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/09/2016.

-Tài sản gắn liền trên đất gồm:

01 (một) căn nhà dạng Kiốt tường xây gạch, nền lát gạch men, mái lợp tole, cửa kính, khung nhôm, diện tích khoảng 31,5 m².

Công trình phụ: 01 căn nhà vệ sinh tường gạch, mái tole, diện tích khoảng 44,16 m²

Nhà tiền chế: kết cấu khung sắt, cột sắt, vách tole, mái lợp tole, mặt trước khung nhôm gắn kính, nền gạch Ceramic, diện tích khoảng 545,40 m²

Tường rào phía trước kết cấu xây dựng là tường gạch cao 50 cm trên gắn khung sắt, bên hong xây bằng đá chẻ khoảng 91,0 m².

Cây trên đất có: 01 (một) cây bồ cạp vàng ; 01 (một) cây me ; 05 (năm) cây si; 30 (ba mươi) cây hoàng nam.

Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có Giá khởi điểm sau khi giảm giá lần 4 có giá khởi điểm là: 15.193.867.191 đồng (Bằng chữ: Mười năm tỷ một trăm chín mươi ba triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm chín mươi một đồng)

***Lô thứ ba:**

-Quyền sử dụng đất diện tích 6.164,9 m² ; thuộc thửa số 71; tờ bản đồ số 55 tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai do bà Trương Thị Nhi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CE 505578 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/10/2016. Ngày 13/07/2018 Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Long Thành cập nhật biến động lên trang 3 (ba) của giấy chứng nhận số CE 505578, ghi tên ông Bùi Minh Đức và bà Hồ Thị Kim Ngân (địa chỉ: 10/9 Kp Hòa An, P Vĩnh Phú, Tx Thuận An (nay là TP Thuận An) tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu.

-Tài sản trên đất gồm:

+ Nhà 1: 01 (một) căn nhà cấp 3, một trệt, một lầu, sàn bê tông, tường xây gạch không tô, cửa chính là khung nhôm lắp kính, cửa sổ sắt chưa lắp kính, mái tole, nền chưa lát gạch, diện tích khoảng 249,24 m² (xây dựng dở dang).

+ Nhà 2: 01 (một) căn nhà cấp 4, kết cấu tường gạch, mái tole, cửa sắt, nền tráng xi măng, diện tích khoảng 57,5 m².

+Tường rào phía trước và hông: kết cấu xây dựng là tường gạch cao 90 cm, phía trên gắn khung sắt, phía sau xây dựng gạch không nung dài khoảng 160 m, phía trước cổng sắt.

+ 01 (một) trụ chân bồn nước bằng bê tông cao khoảng 8m + bồn xây gạch ,

+ 01 giếng khoan sâu 30 m + máy bơm.

+ 01 (một) hồ cá dán đá (sâu khoảng 2 m, ngang 2 m, dài 50 m uống lượng theo chiều dài của đất, (hiện tại không nuôi). Diện tích 80,0 m².

+ Cây trồng trên đất gồm: 05 (năm) cây cau vua khoảng 5 năm tuổi; 02 (hai) cây Ngọc Lan khoảng 20 năm tuổi; 02 (hai) cây xoài khoảng 5 năm tuổi; 01 (một) cây điều khoảng 15 năm tuổi; 06 (sáu) cây bàng đài loan khoảng 2 năm tuổi.

Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có Giá khởi điểm sau khi giảm giá lần 4 có giá khởi điểm là: **39.568.538.507** đồng (Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu năm trăm ba mươi tám ngàn năm trăm lẻ bảy đồng)

***Lô thứ tư:**

1. Quyền sử dụng đất diện tích 50.216,9m²; (mục đích sử dụng cây lâu năm), thuộc một phần thửa số 222; tờ bản đồ số 73 tại xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quyền sử dụng đất số CB 468448 cấp ngày 20/08/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Trần Văn Hùng, địa chỉ: số 7 Nam Hòa, Phường Phước Long A, Quận 9 (nay là Thành Phố Thủ Đức), Thành Phố Hồ Chí Minh. Ngày 29/05/2018, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Long Thành cập nhật biến động lên trang 4 (tư) của Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CB 468448, ghi tên Trương Thị Hồng Ngọc.

Tình trạng đất tại thời điểm kê biên: Đất trống

2. Quyền sử dụng đất diện tích 3.026 m²; mục đích sử dụng cây lâu năm, thuộc thửa số 223; tờ bản đồ số 73 tại xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quyền sử dụng đất số CB 468447 cấp ngày 20/08/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Trần Văn Hùng, địa chỉ: số 7 Nam Hòa, Phường Phước Long A, Quận 9 (nay là Thành Phố Thủ Đức), Thành Phố Hồ Chí Minh. Ngày 29/05/2018, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Long Thành cập nhật biến động lên trang 4 (tư) của Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CB 468447, ghi tên Trương Thị Hồng Ngọc.

-Tài sản gắn liền trên đất gồm: Đất trống

Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất (1+2) có Giá khởi điểm sau khi giảm giá lần 4 có giá khởi điểm là: **48.731.539.152** đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ bảy trăm ba mươi một triệu năm trăm ba mươi chín ngàn một trăm năm mươi hai đồng).

(kèm theo quyết định giảm giá lần 4 số: 22/QĐ-CCTHADS ngày 27/06/2025 của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành)

Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành sẽ tiếp tục đưa tài sản trên ra bán đấu giá theo quy định pháp luật.

Vậy, thông báo để người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi liên quan biết./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành;
- Trang thông tin điện tử CTHADS tỉnh Đồng Nai;
- Trang thông tin điện tử TCTHADS-BTP;
- Tổng CTHADS – BTP (thay báo cáo);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (thay báo cáo);
- Cục THADS Tp Hồ Chí Minh (thay báo cáo);
- Tổ xử lý tài sản – CCTHADS Long Thành;
- Lưu: VT, HSTHA.Alibaba.



CHẤP HÀNH VIÊN

Nguyễn Duy Hoạt

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22 /QĐ-CCTHADS

Long Thành, ngày 27 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giảm giá tài sản (lần 4)

CHẤP HÀNH VIÊN

Căn cứ khoản 1 Điều 20, Điều 104 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Bản án số 300/2023/HS-PT ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án số 607/2022/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 01/QĐ-CTHADS ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 03/QĐ-CTHADS và số 04/QĐ-CTHADS ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 05/QĐ-CTHADS ngày 15/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 106/QĐ-CTHADS ngày 15/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 107/QĐ-CTHADS ngày 17/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 108/QĐ-CTHADS ngày 21/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 109/QĐ-CTHADS ngày 23/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 110/QĐ-CTHADS ngày 28/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 111/QĐ-CTHADS ngày 30/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 112/QĐ-CTHADS ngày 31/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 113/QĐ-CTHADS ngày 08/9/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 114/QĐ-CTHADS ngày 18/9/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;



Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 115/QĐ-CTHADS ngày 25/9/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 116/QĐ-CTHADS ngày 02/10/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 117/QĐ-CTHADS ngày 09/10/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 118/QĐ-CTHADS ngày 16/10/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 119/QĐ-CTHADS ngày 23/10/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 120/QĐ-CTHADS ngày 30/10/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 122/QĐ-CTHADS ngày 08/11/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 123/QĐ-CTHADS ngày 15/11/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 124/QĐ-CTHADS ngày 22/11/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 125/QĐ-CTHADS ngày 29/11/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 126/QĐ-CTHADS ngày 08/12/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 127/QĐ-CTHADS ngày 15/12/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 128/QĐ-CTHADS ngày 22/12/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 129/QĐ-CTHADS ngày 02/01/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 130/QĐ-CTHADS ngày 09/01/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 131/QĐ-CTHADS ngày 15/01/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 132/QĐ-CTHADS ngày 22/01/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 133/QĐ-CTHADS ngày 29/01/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 134/QĐ-CTHADS ngày 05/02/2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 6432/CV-CTHADS-NV2 ngày 01 tháng 04 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 135/QĐ-CTHADS ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 136/QĐ-CTHADS ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định ủy thác xử lý tài sản số 04/QĐ-CTHADS ngày 05 tháng

01 năm 2024 và quyết định số 09/QĐ-CTHADS ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định xử lý tài sản số 03/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 4 năm 2024 và quyết định số 04/QĐ-CCTHADS ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành;

Căn cứ lệnh kê biên số 289-08A ngày 28/02/2020 và biên bản kê biên ngày 27/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ lệnh kê biên số 1263-08C ngày 11/03/2020 và biên bản kê biên ngày 23/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ lệnh kê biên số 295-08C ngày 28/02/2020 và biên bản kê biên ngày 23/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định cưỡng chế thi hành án số 36/QĐ-CCTHADS ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Biên bản kê biên ngày 02/7/2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành;

Căn cứ công văn số 13706/CSKT-Đ2 ngày 21/6/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 506/TATP-THS ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 1578/CTHADS – NV2 ngày 25/7/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa chữa đính chính thông tin liên quan đến tài sản;

Căn cứ quyết định giảm giá số 19/QĐ-CCTHADS ngày 20/05/2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành;

Căn cứ Thông báo bán đấu giá tài sản số 56, 57, 58, 59 /TB-ĐGTS ngày 22 tháng 05 năm 2025 của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 359, 360, 361, 362 /CV-ĐGTS ngày 17 tháng 06 năm 2025 của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đồng Nai về việc không có người đăng ký tham gia đấu giá tài sản lần 4

Căn cứ Thông báo số 574/TB-THADS ngày 17 tháng 06 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành về việc không có người đăng ký tham gia đấu giá tài sản lần 3;

Căn cứ biên bản họp ngày 26/06/2025 của Tổ xử lý tài sản Alibaba -Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành về việc thống nhất mức giảm giá tài sản lần 4;

Xét thấy người được thi hành án không có đơn xin nhận tài sản đề tru72va2o tiền được thi hành án .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm giá 5% giá trị tài sản của: Ông Nguyễn Thái Luyện; Nơi đăng ký thường trú: 66 Đào Duy Từ, ấp Tiên Sơn, xã Tân Sơn, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: 120-122 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà Võ Thị Thanh Mai; Nơi đăng ký thường trú: phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở: B8-21 Chung cư Saigonres, 188 Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài sản giảm giá gồm:

***Lô thứ nhất:**

1. Quyền sử dụng đất diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 5911 m² (diện tích thửa đất theo bản vẽ hiện trạng thực tế là 5.806,1m², thiếu hụt 104,9 m² lý do điều chỉnh bản đồ địa chính); mục đích sử dụng; thuộc thửa số 106 (thửa mới 448a); tờ bản đồ số 26 tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 397164 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/06/2009 cho ông Nhan Hòa Châu và bà Nguyễn Thị Liệt đứng tên.

Tình trạng đất tại thời điểm kê biên: Đất trống

2. Quyền sử dụng đất diện tích 12595 m² (diện tích thửa đất theo bản vẽ hiện trạng thực tế là 12.387,9 m², thiếu hụt 107,1 m² lý do điều chỉnh bản đồ địa chính); mục đích sử dụng; thuộc thửa số 105 (thửa mới 448b); tờ bản đồ số 26 tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 397163 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/06/2009 cho bà Nhan Mỹ Mai và ông Đặng Văn Mỹ đứng tên.

Tình trạng đất tại thời điểm kê biên: Đất trống

3. Quyền sử dụng đất diện tích 3732 m² (diện tích thửa đất theo bản vẽ hiện trạng thực tế là 3.675,2 m², thiếu hụt 56,8 m² lý do điều chỉnh bản đồ địa chính); mục đích sử dụng; thuộc thửa số 93 (thửa mới 448c); tờ bản đồ số 26 tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 397162 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/06/2009 cho bà Nhan Mỹ Mai và ông Đặng Văn Mỹ đứng tên.

Tình trạng đất tại thời điểm kê biên: Đất trống

4. Quyền sử dụng đất diện tích 8802 m² (diện tích thửa đất theo bản vẽ hiện trạng thực tế là 8.555,9 m², thiếu hụt 346,1 m² lý do điều chỉnh bản đồ địa chính); mục đích sử dụng; thuộc thửa số 107 (thửa mới 448d); tờ bản đồ số 26 tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 397169 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/06/2009 cho ông Nhan Tỷ và bà Trần Thị Yến đứng tên.

Tình trạng đất tại thời điểm kê biên: Đất trống

5. Quyền sử dụng đất diện tích 8786 m² (sử dụng riêng); mục đích sử dụng; thuộc thửa số 108 (thửa mới 448e); tờ bản đồ số 26 tại xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 397170 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/06/2009 cho ông Nhan Tỷ và bà Trần Thị Yến đứng tên.

Tình trạng đất tại thời điểm kê biên: Đất trống

(Tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên theo diện tích thực tế được thể hiện tại Bản đồ hiện trạng thửa đất số 5540/2024, 5539/2024, 5538/2024; 5537/2024, 5536/2024 ngày 30/9/2024 do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Long Thành

thực hiện bởi các thửa 448a, 448b, 448c, 448d, 448e (thửa mới 448).

Tổng tài sản (1+2+3+4+5) có giá khởi điểm lần 4 là : 133.154.824.144 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba tỷ một trăm năm mươi bốn triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn một trăm bốn mươi bốn đồng)

Mức giảm giá là $5\%/133.154.824.144$ đồng = **6.657.741.207 đồng**

Giá khởi điểm sau khi giảm giá lần 4 có giá khởi điểm là: **133.154.824.144 đồng** – 6.657.741.207 đồng = **126.497.082.937 đồng** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu tỷ bốn trăm chín mươi bảy triệu không trăm tám mươi hai ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng)

***Lô thứ hai:**

-Quyền sử dụng đất diện tích 1.372,3 m² ; thuộc thửa số 47; tờ bản đồ số 55 tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai do bà Trương Thị Nhi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CE 216793 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/09/2016.

-Tài sản gắn liền trên đất gồm:

01 (một) căn nhà dạng Kiốt tường xây gạch, nền lát gạch men, mái lợp tole, cửa kính, khung nhôm, diện tích khoảng 31,5 m².

Công trình phụ: 01 căn nhà vệ sinh tường gạch, mái tole, diện tích khoảng 44,16 m²

Nhà tiền chế: kết cấu khung sắt, cột sắt, vách tole, mái lợp tole, mặt trước khung nhôm gắn kính, nền gạch Ceramic, diện tích khoảng 545,40 m²

Tường rào phía trước kết cấu xây dựng là tường gạch cao 50 cm trên gắn khung sắt, bên hong xây bằng đá chẻ khoảng 91,0 m².

Cây trên đất có: 01 (một) cây bò cạp vàng ; 01 (một) cây me ; 05 (năm) cây si; 30 (ba mươi) cây hoàng nam.

Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có giá khởi điểm lần 4 là: 15.993.544.412 đồng (Bằng chữ: Mười năm tỷ chín trăm chín mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm mười hai đồng).

Mức giảm giá là $5\%/15.993.544.412$ đồng = 799.677.221 đồng

Giá khởi điểm sau khi giảm giá lần 4 có giá khởi điểm là: **15.993.544.412 đồng** – 799.677.221 đồng = **15.193.867.191 đồng** (Bằng chữ: Mười năm tỷ một trăm chín mươi ba triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm chín mươi một đồng)

***Lô thứ ba:**

-Quyền sử dụng đất diện tích 6.164,9 m² ; thuộc thửa số 71; tờ bản đồ số 55 tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai do bà Trương Thị Nhi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CE 505578 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/10/2016. Ngày 13/07/2018 Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh

Long Thành cập nhật biến động lên trang 3 (ba) của giấy chứng nhận số CE 505578, ghi tên ông Bùi Minh Đức và bà Hồ Thị Kim Ngân (địa chỉ: 10/9 Kp Hòa An, P Vĩnh Phú, Tx Thuận An (nay là TP Thuận An) tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu.

-Tài sản trên đất gồm:

+ Nhà 1: 01 (một) căn nhà cấp 3, một trệt, một lầu, sàn bê tông, tường xây gạch không tô, cửa chính là khung nhôm lắp kính, cửa sổ sắt chưa lắp kính, mái tole, nền chưa lát gạch, diện tích khoảng 249,24 m² (xây dựng dở dang).

+ Nhà 2: 01 (một) căn nhà cấp 4, kết cấu tường gạch, mái tole, cửa sắt, nền tráng xi măng, diện tích khoảng 57,5 m².

+Tường rào phía trước và hông: kết cấu xây dựng là tường gạch cao 90 cm, phía trên gắn khung sắt, phía sau xây dựng gạch không nung dài khoảng 160 m, phía trước cổng sắt.

+ 01 (một) trụ chân bồn nước bằng bê tông cao khoảng 8m + bồn xây gạch ,

+ 01 giếng khoan sâu 30 m + máy bơm.

+ 01 (một) hồ cá dán đá (sâu khoảng 2 m, ngang 2 m, dài 50 m uống lượng theo chiều dài của đất, (hiện tại không nuôi). Diện tích 80,0 m².

+ Cây trồng trên đất gồm: 05 (năm) cây cau vua khoảng 5 năm tuổi; 02 (hai) cây Ngọc Lan khoảng 20 năm tuổi; 02 (hai) cây xoài khoảng 5 năm tuổi; 01 (một) cây điều khoảng 15 năm tuổi; 06 (sáu) cây bàng đài loan khoảng 2 năm tuổi.

Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có giá khởi điểm lần 4 là: 41.651.093.165 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi một tỷ sáu trăm năm mươi một triệu không trăm chín mươi ba ngàn một trăm sáu mươi lăm đồng)

Mức giảm giá là 5%/41.651.093.165 đồng = 2.082.554.658 đồng

Giá khởi điểm sau khi giảm giá lần 4 có giá khởi điểm là: **41.651.093.165 đồng** – 2.082.554.658 đồng = **39.568.538.507 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu năm trăm ba mươi tám ngàn năm trăm lẻ bảy đồng)

***Lô thứ tư:**

1. Quyền sử dụng đất diện tích 50.216,9m²; (mục đích sử dụng cây lâu năm), thuộc một phần thửa số 222; tờ bản đồ số 73 tại xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quyền sử dụng đất số CB 468448 cấp ngày 20/08/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Trần Văn Hùng, địa chỉ: số 7 Nam Hòa, Phường Phước Long A, Quận 9 (nay là Thành Phố Thủ Đức), Thành Phố Hồ Chí Minh. Ngày 29/05/2018, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Long Thành cập nhật biến động lên trang 4 (tư) của Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CB 468448, ghi tên Trương Thị Hồng Ngọc.

Tình trạng đất tại thời điểm kê biên: Đất trống

2. Quyền sử dụng đất diện tích 3.026 m²; mục đích sử dụng cây lâu năm,

thuộc thửa số 223; tờ bản đồ số 73 tại xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quyền sử dụng đất số CB 468447 cấp ngày 20/08/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Trần Văn Hùng, địa chỉ: số 7 Nam Hòa, Phường Phước Long A, Quận 9 (nay là Thành Phố Thủ Đức), Thành Phố Hồ Chí Minh. Ngày 29/05/2018, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Long Thành cập nhật biến động lên trang 4 (tư) của Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CB 468447, ghi tên Trương Thị Hồng Ngọc.

-Tài sản gắn liền trên đất gồm: Đất trồng

Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất (1+2) có giá khởi điểm lần 4 là: 51.296.357.002 đồng (Bằng chữ: Năm mươi một tỷ hai trăm chín mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn không trăm lẻ hai đồng).

Mức giảm giá là 5%/ **51.296.357.002 đồng = 2.564.817.850 đồng**

Giá khởi điểm sau khi giảm giá lần 4 có giá khởi điểm là: **51.296.357.002 đồng – 2.564.817.850 đồng = 48.731.539.152 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ bảy trăm ba mươi một triệu năm trăm ba mươi chín ngàn một trăm năm mươi hai đồng).

Điều 2. Người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Công thông tin điện tử CTHADS tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành;
- Tổ XLTS vụ Alibaba-CCTHADS H Long Thành;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Nguyễn Duy Hoạt

